

Nguyễn Duy Chính

CHU VĂN AN

(1292 – 1370)

CON NGƯỜI VÀ THỜI ĐẠI

Thân tặng những anh em CVA



Trần văn thử hà thời, dục vịnh đại phi hiền giả lạc

Phượng sơn tồn ẩn xứ, trĩ lưu trường ngưỡng triết nhân phong

(Cuối đời Trần là thời nào, ngâm vịnh rong chơi há chẳng phải là cái thú vui của bậc hiền giả ?

Núi Phượng vẫn còn dấu vết ở ẩn, đỉnh non vẫn mãi mãi ngưỡng mộ phong thái của kẻ triết nhân)

Câu đối thờ Chu An

*

* *

Hơn 600 năm trước, nhà nho Chu An đã một thời làm rạng danh cho giai cấp sĩ phu, nêu cao khí tiết và thể hiện tinh thần chính trực uy vũ bất năng khuất. Trong khi chính sự suy đồi, tình thế nhiễu nhương, ông đã hiên ngang dâng

sớ xin chém bảy người nịnh thần, và khảng khái từ quan khi không được nhà vua chấp thuận. Ông trở về thiết trường dạy học, mang cái phong vị “giày cỏ, vớ gai” để truyền bá đạo lý thánh hiền.

Chu An tự là Linh Triệt, hiệu Tiều Ân, người làng Quang Liệt, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông. Sử sách không chép ông sinh năm nào, chỉ biết ông mất năm Canh Tuất (1370). Theo thần tích đình làng Thanh Liệt, nơi thờ ông làm Thành Hoàng thì ông sinh năm Nhâm Thìn (1292). Như vậy ông thọ 79 tuổi. Ông đỗ Thái học sinh (tức tiến sĩ) nhưng không ra làm quan mà ở tại quê nhà. Ông tính ưa đọc sách, dựng một ngôi nhà ở sườn đồi, cạnh bờ đầm vừa làm thư viện, vừa làm trường lại là nơi soạn sách.

Cứ theo sử cũ, thời Trần nước ta có bốn học hiệu, có thể coi như bốn đại học quốc gia, gồm học hiệu Trần Ích Tắc, học hiệu Thiên Trường, thư viện Lạn Kha và học hiệu Cung Hoàng của Chu An. Cứ theo phỏng đoán, thư viện Lạn Kha trong núi Phật tích có lẽ thiên về Thiên tông vì do triều đình thiết lập, học hiệu Trần Ích Tắc dành cho vương tôn công tử và tôn thất nhà Trần, chỉ có hai học hiệu Thiên Trường và Cung Hoàng mới thực sự là của dân gian.

Chu An là một danh nho, từng sáng tác nhiều sách vở trong đó có Tứ Thư Thuyết Ước, Tiều Ân thi tập và Quốc ngữ thi tập nhưng đều bị người Tàu thời Minh thuộc tịch thu đem về Kim Lăng cả. Ông còn soạn một cuốn sách thuốc có tên là Y Học Yếu Giải Tập Chu Di Biên. Khi ông mất, vua Nghệ Tông đặt tên thụy là Văn Trinh, truy tặng tước Công (tước lớn nhất trong năm tước mà người ngoài hoàng tộc có thể được phong), ban hiệu là Khang Tiết tiên sinh và được đem vào thờ trong văn miếu. Ngô Thế Vinh trong bài văn bia ở đền Phương Sơn đã giải thích : Văn ,đức chi biểu dã. Trinh, đức chi chính cố dã (Văn là cái vẻ đẹp bên ngoài của đức. Trinh là sự bền vững bên trong của đức, nghĩa là cả ngoại mạo và tâm hồn ông đều đạo đức và

kiên định).

Trường ông lại đào tạo nhiều danh thần như Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát giữ đến chức hành khiển (người đứng đầu một đạo, ngang Tổng đốc sau này) mà đến thăm thầy vẫn chấp tay đứng hầu. Tổng hợp một số chi tiết liên quan đến Chu An, người ta tin rằng ông đặt nặng vấn đề cương thường, luật pháp và có thể coi như một tư tưởng gia và cũng là một hành chánh gia lỗi lạc.

Chính vì thế mà ông được vua Trần Minh Tông triệu vào cung làm tư nghiệp Quốc Tử Giám lại kiêm việc dạy Thái tử. Tư Nghiệp Quốc Tử Giám là hiệu trưởng trường dạy người ra làm quan.

Sự nghiệp của ông sau này được nhắc đến nhiều qua bài “Thất Trảm Sớ” tức lời tâu xin chém bảy tên nịnh thần đời Trần Dụ Tông, nhưng thực sự tính theo niên biểu, ông làm quan một thời gian rất dài, từ đời Minh Tông (1314-1329), qua đời Hiến Tông (1329-1341) tới đời Dụ Tông (1341-1369). Sau khi Minh Tông thượng hoàng mất (1357), Dụ Tông nắm quyền, dùng những kẻ gian, ông can ngăn không được mới “treo mũ ở cửa Huyền Vũ”, từ quan về ở ẩn núi Chí Linh (Hải Dương).

Vua Dụ Tông tên thật Trần Hạo, là con thứ mười vua Minh Tông, sinh năm Bính Tý (1336) lên ngôi lúc mới 5 tuổi (Tân Tị 1341). Mười sáu năm đầu vì có thượng hoàng Minh Tông quyết định mọi việc nên tình hình tạm ổn, nhưng từ khi thượng hoàng mất (1357), Dụ Tông ăn chơi xa xỉ, cơ nghiệp suy đốn rất mau. Có lần nhà vua lên ra ngoài thành chơi, đêm về bị kẻ cướp chặn lại lấy mất cả gươm lẫn ấn. Năm Kì Dậu (1369) nhà vua mất, ngôi nhà Trần về tay Dương Nhật Lễ. Nhật Lễ vốn là con của một người nhà trò (người làm nghề xướng ca) tên là Dương Khương. Vợ Dương Khương cũng là con hát, đang có thai thì bị Cung Túc Vương Trần Dục cướp về làm vợ. Đứa con đó là Nhật Lễ. Vì thế Nhật Lễ khi lên làm vua đổi lại họ Dương. Tôn thất nhà Trần hợp sức lật đổ Dương Nhật Lễ tôn con thứ vua Minh

Tông là Cung Tĩnh Vương Trần Phủ lên làm vua tức vua Nghệ Tông. Tuy đã về hưu, mỗi khi hội lớn Chu An vẫn vào kinh sư để lấy ý can ngăn nhà vua và răn đe lũ nịnh thần không cho làm điều quá đáng. Vua Dụ Tông muốn đem chính sự giao cho ông nhưng ông từ chối. Hiến Từ Hoàng Thái Hậu bảo:

- Người này không thể bắt làm tôi được, làm sao có thể sai bảo ông ta.

Vua lại ban cho mũ áo nhưng ông tạ ơn rồi lại đem cho người khác chứ không giữ. Chỉ đến khi Dụ Tông băng hà, ông nghe tin vua Nghệ Tông lên ngôi mới chống gậy vào bái yết rồi lại về quê.

Ngoài những đức tính khi làm quan, làm thầy, Ngô Sĩ Liên trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư tôn ông là tổ của Nho gia nước Việt và đặt ông hơn hẳn những danh nho khác như Trương Hán Siêu, Trần Nguyên Đán. Chúng ta thử xem lời nhận định đó dựa trên căn bản nào?

Trước thế kỷ thứ 14, nước ta tuy đã có tổ chức hành chính và cương vực rõ rệt nhưng về văn hóa có lẽ còn ở mức sơ khai. Mặc dù mình chịu ảnh hưởng của người Tàu sau hơn 1000 năm đô hộ, có thi cử, có văn chương nhưng vẫn còn nhiều nét thuần phác. Xem những tác phẩm còn sót lại ngày nay, chỉ được một ít bài có giá trị. Hơn thế nữa, tuy giai đoạn tự chủ của chúng ta đã kéo dài vài trăm năm nhưng vẫn chinh chiến nhiều, hết nội loạn tới ngoại xâm. Đời Đinh, Lê chúng ta đã phải lo củng cố thực lực, sang đời Lý lại chinh chiến nhiều phen với Trung Hoa, với Chiêm Thành. Đến đời Trần, giai đoạn đầu, nhà Trần tuy có xây dựng được một số qui tắc trị nước và định chế giáo dục nhưng vẫn thiên về hình pháp, mang tính chất trấn áp và củng cố quyền lực hơn là văn hóa. Vừa ổn định được một chút, thì bốn lần giặc Nguyên sang chiếm nước ta, cả nước chuyển qua thế chiến tranh chống giặc. Thắng được địch đã là một kỳ công nên việc xây dựng một nền móng vững vàng về học thuật, chính trị, hành chính chưa kịp tiến hành.

Phải đến đời vua Anh Tông (1293-1314) nước ta mới tạm yên. Chính từ giai đoạn này, vai trò của Chu An nổi bật lên vì ông đã chuyển biến từ một tổ chức hành chánh có tính chất bộ tộc lên tầm vóc một quốc gia. Chuyển biến đó không nằm trong hình thức công quyền nhưng nằm trong một số định chế và quan niệm cơ bản.

Thứ nhất, từ đời Anh Tông, tầng lớp quan lại là thành phần có vai trò quyết định trong việc nắm giữ vận mệnh quốc gia đã chuyển từ giới quý tộc nhà Trần sang giới nho sĩ. Theo sách vở, triều đình có những lương đồng như Đoàn Nhữ Hài, Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn, Chu An đều không phải người trong tôn thất. Tuy vẫn có những tranh chấp trong giới thân tộc nhà Trần nhưng giới quan lại giữ được tư thế độc lập, không dễ bị lôi cuốn vào những phe đảng của hoàng gia. Giai đoạn này mặc dù các hoàng thân quốc thích vẫn còn giữ những thái ấp, điền trang rộng lớn nhưng chỉ là những phú gia chứ không còn vai trò quyết định quốc gia như thời kỳ đầu. Ngay cả binh quyền cũng đã giao cho nhiều người thuộc hàng dân dã. Chúng ta cũng đã thấy, triều Trần cũng như nhiều triều đại khác, giao phó việc quân sự cho một số người trong hoàng tộc, thường dân chỉ làm tì tướng, phó tướng. Đến giai đoạn này, quyền lực đó đã giảm dần.

Thứ hai, quốc gia tuy vẫn chú trọng việc quân sự nhưng đã chuyển hướng nỗ lực sang xây dựng những định chế hành chánh, giáo dục, kinh tế và xã hội. Luật lệ được qui định rõ ràng, thay thế tính chất điền ấp nông nô. Tổ chức hành chánh được thành lập, có hệ thống quan chế, văn võ. Khoa thi Thái học sinh được mở ra từ năm 1323, lại cấm thói vẽ mình của quân lính. Chu An cũng cải tổ lại việc thi cử và khuyến khích việc dùng quốc âm. Chính ông cũng làm thơ bằng chữ nôm. Tuy không rõ đời này thi cử gồm những môn gì nhưng thuở ấy nước ta không chỉ theo lối từ chương mà cũng có những học thuật mới, chẳng hạn như Trần Nguyên Đán đã soạn được bộ Bách Thế

Thông Khảo nghiên cứu về thiên văn, lịch pháp. Đời Hồ lại có toán pháp trong kỳ thi đủ biết ông cha ta cũng chuộng thực dụng. Những cải cách về quân sự, những phát kiến về chiến thuyền, súng thần công vài mươi năm sau cho thấy thời đó trình độ khoa học của nước ta khá cao, nhiều điểm trội hơn cả Tàu. Có lẽ vì thế mà khi lấy được nước ta, nhà Minh bắt hết nhân tài, thợ khéo đem về nước. Việc cải cách thi cử cho ta thấy quốc gia đã chuyển từ việc sử dụng người thân thích trong hoàng tộc sang việc dựa trên thực tài để tuyển dụng quan lại trị nước.

Thứ ba, từ một xã hội với tinh thần đa giáo – Nho Thích Lão – Chu An và những bạn đồng liêu đã đẩy lùi hai tôn giáo lớn là Phật và Lão xuống quần chúng và nâng Nho giáo lên thành một thứ khuôn mẫu chính trị. Không phải ngẫu nhiên mà Văn Trinh Công đã trước tác Tứ Thư Thuyết Ước và rất có thể đây là một trong những diễn dịch, bình luận và giải thích đạo nho sớm nhất của Việt Nam. Tuy hiện nay chúng ta không còn tài liệu nào về tác phẩm này nhưng có lẽ Chu An có quan điểm riêng chứ không sao chép lại quan điểm của Tống nho, Hán nho. Chuyển biến từ một học thuật sang một định chế chính trị, Chu An đã khởi đầu một thời kỳ mới trong đó nho giáo trở thành chương trình học đường chính thức và Tứ Thư là sách giáo khoa cho bất cứ sĩ tử nào muốn đi thi. Khuôn mẫu chính trị của ông nằm trong tám chữ cùng lý, chính tâm, tịch tà, cự bế. Cùng lý là hiểu phải cho đến nơi đến chốn, chính tâm là giữ lòng cho ngay thẳng, tịch tà là trừ bỏ thói hư, tật xấu, chống lại tà thuyết và cự bế là ngăn ngừa cái dỡ. Bốn điều đó cho thấy ông chú trọng hai điều tích cực (phải theo) và hai điều tiêu cực (phải chống). Mặc dù không ai biết tịch tà, cự bế được hiểu theo nghĩa nào nhưng thời đó đạo Phật, đạo Lão suy vi, nhiều tăng lữ pháp sư thích chuyện huyền hoặc, mê tín nên một số danh nho đã lên tiếng đả kích. Có lẽ Chu An cũng muốn nhấn mạnh vào việc bài xích dị đoan. Điều đáng nói là ông không chống lại

Phật Lão để nâng Nho giáo lên hàng độc tôn, nhưng rõ ràng chú trọng về xây dựng một xã hội trong cương thường, pháp trị theo khuôn mẫu Khổng Mạnh. Thành thử, đời sống ông vẫn không câu nệ mà lại tiêu dao tự tại. Biệt hiệu Tiều Ẩn mô tả cái phong vị nhàn nhã và là một hình ảnh khoáng đạt rất Lão Trang. Hai câu của ông nói lên điều đó:

Thân dữ cô vân thường luyến tụ,

Tâm đồng cỏ tỉnh bất sinh lan.

Tạm dịch

Lòng như giếng cũ đâu còn sóng,

Thân với mây chiều vẫn nhớ non.

Chỉ mười sáu chữ mà ta thấy cái tĩnh lặng, hư không chan chứa trong đời sống, nói lên một sự tiêu biểu của tam giáo hòa đồng, khi trẻ thì mòn gót lông trán để giúp đời nhưng khi già thì quay lại làm bạn với mây ngàn hạc nội.

Thứ tư, Chu An và thế hệ của ông cũng san định lại phong hóa, lễ nghi cho xã hội Việt Nam. Trước đây, dân tộc Việt có lẽ chưa có những qui phạm rõ rệt và đời sống và sinh hoạt còn nhiều tính chất bản năng. Điển hình là nhà Trần có thói anh em, họ hàng lấy lẫn nhau. Rất có thể tục lệ này thời đó phổ thông ở nhiều nơi trên đất nước chúng ta nên khi đưa vào triều đình không ai phản đối. Từ thời Chu An, ngoài cải tổ hành chánh, ông cũng qui luật hóa các phong tục xã hội, tạo nên một bản sắc riêng cho một quốc gia mà người Tàu phải gọi là “văn hiến chi bang”. Người trong cùng họ không được kiện cáo lẫn nhau để nâng cao tinh thần gia tộc và liên đới trách nhiệm. Tuy đây chỉ là một điểm nhỏ trong cơ chế luật lệ thời bấy giờ, chúng ta có thể nghĩ rằng Chu An muốn chấn chỉnh lại phong hóa ngõ hầu củng cố cái gốc của nước là lòng dân hậu bảo tồn thực lực khi có ngoại xâm. Tiếc rằng vua Dụ

Tông quá hèn kém, lại ham chơi nên Văn Trinh Công đành bất lực không cứu vãn được cơ nghiệp nhà Trần.

Từ những ưu điểm đó, tuy về sau nước ta bị nhà Minh xâm chiếm nhưng chỉ một thời gian ngắn lại giành được độc lập và đời Lê là một trong những giai đoạn thịnh trị nhất trong lịch sử. Có thể nói một số thành quả của triều Lê chính là ảnh hưởng nối dài của giai đoạn cuối đời Trần mà Chu An là người khởi xướng.

Nói tóm lại, Chu An là một nhân vật hành chánh có công cải cách đã đành, nhưng đứng trên phương diện văn hóa, ông cũng đã có ảnh hưởng rất quan trọng. Ông là gạch nối giữa một thời đại mà dân tộc chúng ta tuy đã lừng lẫy về võ công nhưng văn minh lại chưa phát triển lắm để chuyển sang một thời kỳ xây dựng bản sắc dân tộc riêng ở một góc trời. Tuy sự nghiệp của ông không hoàn thành trọn vẹn, phần vì vua chúa hôn ám, phần vì vận nước ngả nghiêng, hết giặc Chiêm Thành lại đến giặc Minh tàn phá toàn bộ di sản tinh thần mà thời đại của ông đã gây dựng nhưng vẫn đánh dấu một bước ngoặt lớn trong lịch sử. Một điều đáng tiếc là ngoài một vài lời phê bình về ông, chúng ta không biết chắc quan điểm của ông như thế nào. Nhiều học giả sau này đã phàn nàn là chủ trương thâm độc của nhà Minh đã hủy diệt toàn bộ kho tàng văn hóa của dân tộc Việt Nam mà triều Trần đã lên đến cao điểm cả về binh bị lẫn học thuật. Sau thời Minh thuộc, tuy triều Lê có thừa hưởng một phần nhỏ cái phong thái văn minh của nhà Trần nhưng không bao lâu lại rơi vào cái học hư văn, khiến Nho học trở thành một con đường tiến thân chật hẹp mà nhân tài không thoát ra được. Lê Quý Đôn đã phải than là “Sau khi khôi phục, sĩ phu ít ỏi, đến đời Hồng Đức thì khoa mục nặng hư văn, từ đời Đoan Khánh thì suy bại quá lắm.” Chúng ta hãy đọc lại nguyên văn lời bình của Ngô Sĩ Liên về ông để thấy rõ vị trí của Chu An:

Người hiền được dùng ở đời thường lo vua không thi hành điều sở học của

mình. Vua thì dùng người hiền mà hay lo người hiền không theo ý muốn của mình. Cho nên, vua tôi gặp nhau, từ xưa đã là rất khó. Nho gia nước Việt ta được dùng rất nhiều, nhưng kẻ thì chỉ nghĩ đến công danh, kẻ thì lo làm giàu, kẻ chỉ xu phụ, kẻ chỉ cốt ăn lộc giữ thân, ít ai chịu để tâm đến đạo đức, lo nghĩ việc giúp vua nêu đức tốt để cho dân được nhờ. Tô Hiến Thành thời Lý và Chu Văn Trinh đời Trần có lẽ cũng gần được. Nhưng Hiến Thành gặp được vua sáng nên công danh sự nghiệp được thấy ngay đương thời, còn Chu Văn Trinh đời Trần không gặp được vua anh minh nên chính học của Ông phải đến đời sau mới thấy được. Văn Trinh thờ vua thẳng thắn mà can ngăn, xuất xử thì làm theo nghĩa lý, đào tạo người tài thì công khanh đều ở cửa nhà ông mà ra, tiết tháo của ông cao thượng đến thiên tử cũng không bắt làm bẽ tôi được. Huống chi, tư thế đường hoàng mà đạo làm thầy được nghiêm, giọng nói lẫm liệt mà bọn nịnh hót phải sợ. Ngàn năm về sau, nghe phong độ của ông, há kẻ điêu ngoa lại không thành liêm chính, kẻ yếu hèn lại không biết tự lập hay sao? Nếu không tìm hiểu nguyên cớ, thì ai biết thụy hiệu (tên hiệu khi chết do người sống căn cứ vào hành vi, tính nết lúc sinh thời mà đặt) của ông xứng đáng với con người của ông. Ông xứng đáng được coi là ông tổ của nho gia nước Việt để thờ trong Văn Miếu. Những người khác như Trần Nguyên Đán là bậc hiền tài trong khanh sĩ, cùng họ với vua, tuy có khí phách trung phẫn nhưng lại bó tay bỏ mặc vận nước không biết làm sao, chỉ lánh quyền tướng quốc để mong bảo toàn gia thuộc. Trương Hán Siêu là quan văn học, tài vượt hẳn mọi người, tuy cứng cỏi, chính trực nhưng lại chơi với kẻ không đang chơi, gả con gái cho người không đáng gả. Họ so với Văn Trinh có gì đáng kể, huống hồ những kẻ còn kém hơn hai ông này.

(Đại Việt Sử Ký toàn thư, bản kỷ quyển 7, tờ 34a-b và 35a-b).

Một sử thần vốn nổi tiếng là kỹ lưỡng, kén chọn từng chữ, từng lời đã giành

bấy nhiêu câu khen ngợi đủ thấy Chu An được kính trọng đến thế nào.

Lê Tung trong Việt Giám Thông Khảo Tổng Luận thì hạ bút ca tụng bài Thất Trảm Sớ là “Thất trảm chi sớ, nghĩa động càn khôn” (bài sớ xin chém bảy tên nịnh thần, nghĩa khí động tới trời đất)

Tính khí của ông lắm liệt đã đành, văn chương của ông cũng hết sức cao tiết. Phan Huy Chú phê bình Tiều Ân thi tập là “Thơ hết sức trong sáng, u dật, nhân nhã tự tại, khiến người đọc tưởng như thấy được cái thú cao của việc ở ẩn như thế nào” Họ Phan cũng ca ngợi ông là “học nghiệp thuần túy, tiết tháo cao thượng, làng Nho nước Việt ta trước sau chỉ có mình ông, các ông khác không thể so sánh được”.

Để kết luận, chúng tôi xin mượn bốn câu thơ của vua Dục Tôn (Tự Đức) trong Việt Sử tổng vịnh viết về ông như sau:

Thượng tường sơn đầu thế gian sự,

Tâm dự nhân quai nhất khí trừ.

Thất trảm sớ thành thiên địa giám,

Trực thanh bất cộng hữu Trần suy.

Phỏng dịch

Gian tà đâu để tung hoành,

Khí cao vằng vặc lưu danh sáng ngời.

Sớ dâng chứng với đất trời,

Không đang tâm sống cảnh đời suy vi.

Tương truyền khi ông mở trường dạy học, rất đông học trò tìm đến thụ nghiệp. Trong số học trò có một thanh niên, mặt mũi sáng sủa hôm nào cũng đến thật sớm. Ông khen là chăm chỉ nhưng hỏi thì ngập ngừng không nói quê quán ở đâu. Ông cho người đi theo thấy người đó đi đến đầm Đại (nằm giữa các làng Đại Từ, Tứ Kỳ, Huỳnh Cung) thì biến mất nên ngờ là thủy thần.

Năm đó, trời đại hạn, nắng đã lâu mà không mưa, dân chúng khổ sở lắm.

Một hôm, sau khi giảng bài xong, ông lên tiếng hỏi học trò ai là người có tài làm mưa giúp dân. Người học trò ấy ngần ngừ nhưng sau cũng bước ra thưa rằng:

- Việc mưa nắng là việc của Thiên Đình, con vâng lời thầy là nghịch lại thượng giới, nhưng cũng xin thử sức. Nếu có chuyện gì không hay xin thầy chu toàn cho.

Nói rồi, ra đứng giữa sân, lấy nghiên mài mực, ngửa mặt lên khán, lấy bút thấm mực vãi ra bốn phương. Lúc hết mực tung bút và nghiên lên trời. Lập tức, mây đen kéo đến, sấm chớp ầm ầm, trời đổ một trận mưa thật lớn.

Người học trò đợi mưa đi về, ra đến cửa thì biến mất.

Sáng hôm sau, không thấy y trở lại học, Chu An cho người đến đầm Đại tìm thì thấy một con thuồng luồng thật to chết nổi trên mặt nước. Ông thương xót, sai học trò vớt xác mang về mai táng tử tế. Dân làng thấy vậy lập đền thờ, nay vẫn còn.

Chỗ nghiên mực ném lên rơi xuống nay thành đầm nước lúc nào cũng đen, gọi là đầm Mực. Quấn bút rơi xuống làng Tả Thanh Oai, sau này là một làng văn học nổi tiếng (quê hương Ngô Thời Sĩ, Ngô Thời Nhiệm triều Lê).

Trong đền thờ còn một đôi câu đối ghi lại sự tích này:

Mặc nghiên khởi tường vân, nhất bút lực hồi thiên tự thuận,

Chu đình lưu hóa vũ, thiên trù vọng thiếp địa phồn khô

(Mây lành từ nghiên mực bay lên, một ngọn bút ra công trời thuận theo lẽ phải, Mưa tốt giữa sân son đổ xuống, nghìn cánh đồng đội nước, đất đang khô cũng trở mùa).

Chu đình là sân son mà cũng là trường học họ Chu. Không biết trong những người từ ngưỡng cửa Chu Văn An mà ra, ai đã theo gương tiên nhân mà làm được mây lành, mưa ngọt cho đất nước.

Tháng 9, 1998

THƯ MỤC THAM KHẢO

- Đặng Kim Ngọc, Chu Văn An (1292-1370) Nhà Sư Phạm Mẫu Mực Cuối Đời Trần (tr 165-166) Ban Văn Hóa Văn Nghệ Trung Ương, Văn Hóa Việt Nam, Tổng Hợp 1989-1995 Hà Nội 1989
- Đào Duy Anh, Việt Nam Văn Hóa Sử Cương, Quan Hải Tùng Thư, Hà Nội 1938
- Hội Aùì Hữu Bưởi – CVA Nam California, Kỷ Yếu 90 Năm Văn Học Trường Bưởi – Chu Văn An Đình Sứ 1997
- Lãng Nhân, Giai Thoại Làng Nho toàn tập, Cơ Sở Xuất Bản ZIELEKS, Texas 1985
- Ngô Tất Tố, Văn Học Đời Lý, nguyên bản 1941ù, Đại Nam, California in lại, không đề năm
- Ngô Tất Tố, Văn Học Đời Trần, Khai Trí Saigon, 1960
- Nguyễn Huyền Anh, Việt Nam Danh Nhân Từ Điển, ZIELEKS, Texas 1981
- Nguyễn Khắc Thuần, Việt Sử Giai Thoại, tập 3, Nhà Xuất Bản Giáo Dục TP HCM 1997
- Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế, Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội Saigon 1992
- Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, Trung Tâm Học Liệu Bộ Giáo Dục 1971
- Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, Lịch Sử Việt Nam Tập 1, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1976

Ông chính tên Chu An, sau khi chết được truy tặng tên thụy Văn Trinh, tước Công nên đời sau hay gọi là Chu Văn An

Bố miệt mang hài qui khứ nhật, Thanh đầu bạch phát dục Nghi Xuân (thơ Trần Nguyên Đán trong bài Hạ Tiều Ẩn Tiên Sinh Bái Quốc Tử Giám Tư Nghiệp tức là Mừng Tiều Ẩn Tiên Sinh Nhận Chức Tư Nghiệp Quốc Tử Giám) tạm dịch giày cỏ vớ gai ôn chuyện cũ, đầu xanh tóc trắng tắm chung sông. Tuy nhiên nhiều học giả đã nghi ngờ bài này không phải của Trần Nguyên Đán.

Cung Túc Vương Dục là anh vua Dụ Tông, đáng lẽ phải được kế nghiệp vua Hiến Tông nhưng Minh Tông lại lập con út. Khi Dụ Tông mất, bà Hiến Từ lập Nhật Lễ lấy có là Nhật Lễ cũng là con của Cung Túc Vương, cha không được làm vua thì con phải được làm vua. Sau Nhật Lễ đánh thuốc độc giết bà.

Một kỹ sư người Việt tên Nguyễn An trong số bị quân Minh bắt về Tàu đã là người coi sóc việc xây thành Bắc Kinh thời Minh Thành Tổ (Vĩnh Lạc)

Khương Bửu, Một người Việt Nam xây dựng thành Bắc Kinh, Văn Nghệ Tiền Phong 476, 15-30 tháng 11, 1995

Đời Dụ Tông, năm 1368 Doãn Thuần Thần sang sứ nhà Minh được vua Minh khen là giữ được văn minh Trung nguyên, hơn các dân tộc khác thay đổi theo nhà Nguyên (An Nam tế hữu Trần, Phong tục bất Nguyên nhân. Y quan Chu chế độ, Lễ nhạc Tổng quân thần) Phạm Cao Dương, Ai đã gọi nước ta là một nước văn hiến 1989 (mảnh báo cắt, không rõ tên)

Đào Duy Anh, Việt Nam Văn Hóa Sử Cương, Quan Hải Tùng Thư 1938 tr 237-238

Nguyễn Khắc Thuần, Việt Sử giai thoại, tập 3, Chu Văn An, Nhà Xuất Bản Giáo Dục, Saigon 1997, trang 79-81

Thi cực thanh sảng u dật, nhàn nhã tự tại, khả tưởng kiến ẩn cư nhi cao thú
dã (Phan Huy Chú)

Nguồn: Mít Đặc

Được bạn: Thành Viên VNthuquan đưa lên
vào ngày: 27 tháng 12 năm 2003